

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh NVH và chị CTT.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” khi ly hôn của anh NVH và chị CTT.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Anh: NVH, sinh ngày: 03-7-1986

Căn cước công dân số: 04208600xxxx; do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 27-3-2022.

Nơi thường trú: Thôn x, xã x, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị: CTT, sinh ngày: 13-11-1984

Căn cước công dân số: 04218400xxxx; do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 17-4-2021.

Nơi thường trú: Thôn x, xã x, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án như sau: Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Đơn nguyện vọng; Căn cước công dân; Sổ hộ khẩu; Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện; Thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên; Danh sách hòa giải viên; Biên bản ghi nhận ý kiến của người yêu cầu lựa chọn hòa giải, lựa chọn hòa giải viên; Quyết định phân công Thẩm phán phụ trách hòa giải; Quyết định

phân công Thư ký tham gia hòa giải; Quyết định chỉ định Hòa giải viên; Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải; Bản tự khai của anh NVH; Bản tự khai của chị CTT; Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NVH và chị CTT thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh NVH và chị CTT thống nhất giao con chung là cháu NXP, sinh ngày 08-4-2009; cháu NDND, sinh ngày 14-9-2012 và cháu NTAT, sinh ngày 20-7-2016 cho chị CTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của anh NVH cấp dưỡng nuôi con cùng chị CTT mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi cháu NXP, NDND và NTAT tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thì hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh;
- Anh NVH;
- Chị CTT;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch